

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH
Xã Hiệp Thạnh-Huyện Gò Dầu-Tỉnh Tây Ninh

Mẫu CBTT-03
(Ban hành theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC
ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
quý 3 năm 2009

I.BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	209,649,036,980	187,887,293,044
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	150,076,633,193	109,391,661,501
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8,650,000,000	19,633,260,400
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22,853,943,721	18,554,755,229
4	Hàng tồn kho	27,174,928,116	26,010,832,796
5	Tài sản ngắn hạn khác	893,531,950	14,296,783,118
II	Tài sản dài hạn	451,023,966,805	470,487,101,584
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2	Tài sản cố định	316,922,181,694	317,318,240,040
	- Tài sản cố định hữu hình	256,425,585,125	252,286,916,703
	*Nguyên giá	421,479,782,097	421,433,809,928
	*Giá trị hao mòn lũy kế	(165,054,196,972)	(169,146,893,225)
	- Tài sản cố định vô hình	0	0
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí XDCB dở dang	60,496,596,569	65,031,323,337
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	102,031,952,609	120,631,952,609
5	Tài sản dài hạn khác	32,069,832,502	32,536,908,935
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	660,673,003,785	658,374,394,628
IV	Nợ phải trả	156,205,502,929	91,086,781,978
1	Nợ ngắn hạn	127,093,342,616	55,491,946,174
2	Nợ dài hạn	29,112,160,313	35,594,835,804
V	Vốn chủ sở hữu	504,467,500,856	567,287,612,650
1	Vốn chủ sở hữu	478,841,238,512	555,557,569,323
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300,000,000,000	300,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	0	0
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	0	0

	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	109,359,488,752	162,510,863,083
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	69,481,749,760	93,046,706,240
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	25,626,262,344	11,730,043,327
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25,626,262,344	11,730,043,327
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	660,673,003,785	658,374,394,628

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
Vật tư, hàng hóa, TSCĐ nhận giữ hộ, nhận gia công	958,269,119	958,269,119

II.KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124,382,287,261	250,839,591,203
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124,382,287,261	250,839,591,203
4	Giá vốn hàng bán	82,350,304,142	160,112,567,246
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42,031,983,119	90,727,023,957
6	Doanh thu hoạt động tài chính	763,370,600	3,865,538,865
7	Chi phí tài chính	619,284,353	2,029,711,696
8	Chi phí bán hàng	983,409,771	2,168,736,319
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,429,235,219	13,065,913,135
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35,763,424,376	77,328,201,672
11	Thu nhập khác	11,427,343,515	23,068,222,347
12	Chi phí khác	2,618,220,838	8,680,093,208
13	Lợi nhuận khác	8,809,122,677	14,388,129,139
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44,572,547,053	91,716,330,811
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0
16	Lợi nhuận sau thuế TNDN	44,572,547,053	91,716,330,811
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,486	3,057
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ngày 20/10/2009

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN NGỌC ẨN